

ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM HỢP ĐỒNG HẠN MỨC TÍN DỤNG

giữa

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT
(Bên Cho Vay)

và

[.]

[.]

(Bên Vay)

Hà Nội, _____ 202..

MỤC LỤC

A. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN	3
B. HỢP ĐỒNG HẠN MỨC TÍN DỤNG	4
1. Định nghĩa và Giải thích thuật ngữ	4
2. Hạn mức tín dụng:	4
3. Thời Hạn Rút Vốn	5
4. Mục đích vay	5
5. Loại tiền cho vay và thanh toán khoản vay	5
6. Lãi suất cho vay và các khoản phí liên quan	5
7. Phương thức giải ngân:	6
8. Thanh toán khoản vay	6
9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ	7
10. Nợ gốc và nợ tiền lãi quá hạn	7
11. Chấm dứt Hợp Đồng	8
12. Cam đoan, bảo đảm và xác nhận khoản vay	8
13. Xử lý nợ	9
14. Quyền và nghĩa vụ của Bên Cho Vay	9
15. Nghĩa vụ của Bên Vay	9
16. Thu thập và sử dụng thông tin của Bên Vay	10
17. Thông báo	11
18. Chuyển giao Quyền và Nghĩa vụ theo Hợp Đồng này	11
19. Luật điều chỉnh và Giải quyết tranh chấp	11
20. Điều khoản khác	12
PHỤ LỤC 1	13
ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	13
1. Định nghĩa	13
2. Giải thích thuật ngữ	13

A. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Mã đăng ký

Ngày đăng ký

Thông tin cá nhân của người đăng ký (Bên Vay)

Họ và tên :

Ngày sinh :

Số CMND/CCCD :

Ngày cấp :

Địa chỉ nơi ở hiện tại :

Nghề nghiệp :

Thu nhập hàng tháng (VND) :

Phương án trả nợ : Từ nguồn thu nhập hàng tháng nói trên

Điện thoại :

Email :

Sau khi xem xét các tính năng của sản phẩm cho vay, tôi muốn đăng ký hạn mức tín dụng với các chi tiết sau:

Hạn Mức Tín Dụng: VND

Thời hạn rút vốn: tháng

Mục đích vay: Tiêu dùng

B. HỢP ĐỒNG HẠN MỨC TÍN DỤNG

Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng số [.](**Hợp Đồng**) được ký kết vào ngày _____ giữa:

Các bên:

- **CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT (Bên Cho Vay)**, địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 17, Tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102766770, đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008, Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Minh Tâm – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện bởi:, Chức vụ: theo Quyết Định Ủy Quyền số ký ngày.....;

VÀ

- [**Họ và tên Bên Vay**] (**Bên Vay**), với các thông tin như mục A.
(Gọi chung là **các Bên** và riêng lẻ là **một Bên**).

Căn Cứ Xác Lập:

- A. Bên Cho Vay là tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước (theo định nghĩa dưới đây) cấp phép hoạt động ngân hàng, trong đó có cho vay.
- B. Bên Cho Vay sẵn sàng cấp cho Bên Vay các Khoản Cho vay từng lần (được định nghĩa bên dưới) thông qua nền tảng trực tuyến ("**Nền Tảng**").

Theo đó, hiện tại các Bên đã thống nhất như sau:

1. Định nghĩa và Giải thích thuật ngữ

Bất kỳ định nghĩa hoặc giải thích nào được sử dụng và áp dụng trong Hợp Đồng này đều được quy định tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng này.

2. Hạn mức tín dụng:

2.1 Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng

Bên Cho Vay đồng ý cấp một hạn mức tín dụng [**•**] VND cho Bên Vay ("**Hạn Mức Tín Dụng**") cho mục đích chi tiêu cá nhân ("**Khoản Cho Vay Tiền Mặt**") và/hoặc tiêu dùng cá nhân trên cơ sở "Mua Trước, Trả Sau" ("**Khoản Cho Vay BNPL**") thông qua Nền Tảng (Khoản Cho Vay Tiền Mặt và Khoản Cho Vay BNPL sau đây được gọi chung là "**Các Khoản Cho Vay Từng Lần**").

2.2 Căn cứ vào Hạn Mức Tín Dụng được phê duyệt, Bên Vay có thể được giải ngân các Khoản Cho Vay Từng Lần trong suốt Thời Hạn Rút Vốn theo quy định tại Điều 3 với các điều kiện sau:

- (a) Số dư nợ gốc không được vượt quá Hạn Mức Tín Dụng quy định tại Điều 2 hoặc theo quy định của Pháp Luật Việt Nam; và
- (b) Thời hạn vay của các Khoản Cho Vay Từng Lần không được vượt quá ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn và không vượt quá 12 tháng.
- (c) Khi cấp các Khoản Cho Vay Từng Lần, để cung cấp thông tin chi tiết cho việc cấp tín dụng, Bên Cho Vay và Bên Vay phải ký kết (các) hợp đồng tín dụng về cho vay chi tiêu cá nhân,

(các) hợp đồng tín dụng về cho vay tiêu dùng cá nhân và/hoặc bất kỳ hợp đồng nào khác theo quyết định của Bên Cho Vay (“**Khế Ước Nhận Nợ**”).

2.3 Hạn Mức Tín Dụng có thể được thay đổi tùy từng thời điểm theo quyết định của Bên Cho Vay và sẽ được thông báo cho Bên vay theo Điều 17 Hợp Đồng này.

3. Thời Hạn Rút Vốn

3.1 Thời hạn để duy trì Hạn Mức Tín Dụng cho Bên Vay sẽ là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày ký Hợp Đồng này, trừ khi được gia hạn, bị tạm hoãn hoặc bị chấm dứt theo quyết định của Bên Cho vay (“**Thời Hạn Rút Vốn**”). Hạn Mức Tín Dụng sẽ được Bên Cho vay rà soát định kỳ, ít nhất mỗi năm một lần để đánh giá khả năng trả nợ của Bên Vay.

3.2 Khi hết Thời Hạn Rút Vốn, Hạn Mức Tín Dụng còn lại chưa được giải ngân sẽ tự động bị hủy bỏ.

4. Mục đích vay

4.1 Mục đích vay:

- (a) Đối với Khoản Cho Vay Tiền Mặt: để chi tiêu cá nhân và được Bên Cho vay giải ngân vào tài khoản ngân hàng của Bên Vay; và/hoặc
- (b) Đối với Khoản Cho Vay BNPL: để thanh toán hàng hóa và/hoặc dịch vụ mà Bên Vay mua từ Cơ sở thương mại/ bên thứ ba

4.2 Bên Vay phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các Khoản Cho Vay Từng Lần được cấp cho các mục đích đã được Bên Cho Vay phê duyệt, theo bất kỳ chính sách nào liên quan đến Hợp Đồng này (bao gồm, chính sách của Bên Cho Vay và chính sách của Nền Tảng) và tuân theo Pháp Luật Việt Nam.

4.3 Theo Điều 11 của Hợp Đồng này, Bên Cho Vay có quyền chấm dứt Hợp Đồng này với hiệu lực ngay lập tức khi Bên Vay vi phạm Điều 4.

5. Loại tiền cho vay và thanh toán khoản vay

Tất cả các khoản nợ gốc, lãi tiền vay và phí của các khoản vay, cũng như tiền giải ngân và thanh toán khoản vay theo Hợp Đồng này (và các khoản cấp tín dụng theo các Khế Ước Nhận Nợ) sẽ là Đồng Việt Nam.

6. Lãi suất cho vay và các khoản phí liên quan

6.1 Số tiền lãi của mỗi khoản vay được tính trên cơ sở một năm dương lịch có 365 (ngày). Lãi suất áp dụng cho từng Khoản Cho Vay Từng Lần sẽ được quy định tại Khế Ước Nhận Nợ tương ứng. Lãi suất áp dụng cho bất kỳ Khoản Cho Vay Từng Lần nào cũng không được vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định Pháp Luật Việt Nam.

6.2 Công thức tính tiền lãi: $Số tiền lãi = \sum (Số dư thực tế \times số ngày duy trì số dư thực tế \times Lãi suất tính lãi) / 365$

Trong đó:

Số tiền lãi: là khoản tiền mà Bên Vay phải trả cho Bên Cho Vay về việc sử dụng khoản tiền đã nhận.

Số dư thực tế là số dư đầu ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả (nếu có) thực tế mà Bên Vay còn phải trả cho Bên Cho Vay được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận và quy định của pháp luật về cấp tín dụng.

Số ngày duy trì số dư thực tế là số ngày mà số dư thực tế đầu mỗi ngày không thay đổi.

Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ %/ năm (một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày) theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và trong từng KUNN.

- 6.3 Lãi suất cho vay có thể được Bên Cho Vay thay đổi theo từng thời điểm và sẽ có hiệu lực kể từ ngày thông báo cho Bên Vay và được áp dụng cho tất cả các Khoản Cho Vay Từng Lần mới khi Bên Vay đề nghị cấp tín dụng.
- 6.4 Trong trường hợp Bên Vay không thanh toán khoản vay đúng hạn theo các Khế Ước Nhận Nợ, Bên Cho vay sẽ áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất cho vay trong hạn và tiền lãi quá hạn sẽ được cộng thêm vào khoản nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn. Tiền lãi quá hạn sẽ được tính cộng dồn hằng ngày (“Lãi quá hạn”).
- 6.5 Bên Vay phải thanh toán cho Bên Cho Vay các khoản phí liên quan đến các Khoản Cho Vay Từng Lần (không bao gồm VAT) theo quy định của Hợp Đồng này (và được quy định bổ sung trong từng Khế Ước Nhận Nợ), và có thể được sửa đổi tùy từng thời điểm theo chính sách của Bên Cho Vay và Pháp Luật Việt Nam.

7. Phương thức giải ngân:

- 7.1 Bên Cho Vay sẽ giải ngân các Khoản Cho Vay Từng Lần như sau:
 - (a) Khoản Cho Vay Tiền Mặt: sẽ được Bên Cho Vay giải ngân vào tài khoản ngân hàng của Bên Vay như đã đăng ký tại Đề nghị vay vốn.
 - (b) Khoản Cho Vay BNPL: sẽ được Bên Cho Vay giải ngân trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của nhà cung cấp dịch vụ nơi Bên Vay giao dịch phù hợp với mục đích vay tại Điều 4.1 và theo chỉ định tại các Khế Ước Nhận Nợ.
- 7.2 Việc giải ngân của Bên Cho Vay được coi là hoàn tất tại thời điểm Bên Cho Vay chuyển khoản các Khoản Cho Vay Từng Lần.

8. Thanh toán khoản vay

- 8.1 Bên Vay phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên Cho Vay tất cả các khoản nợ gốc, tiền lãi phát sinh, tiền lãi quá hạn hoặc các khoản tiền phạt và các khoản phải trả khác (nếu có) liên quan đến các Khoản Cho Vay Từng Lần được quy định tại các Khế Ước Nhận Nợ không trễ hơn Ngày thanh toán hàng tháng. Nếu Ngày thanh toán hàng tháng rơi vào ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì Ngày thanh toán hàng tháng là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.
- 8.2 Các khoản thanh toán của Bên Vay theo Hợp Đồng này sẽ được làm tròn lên một (01) đồng và được thanh toán theo các kênh thanh toán đã được Bên cho vay chấp nhận và được đăng tải trên Nền tảng.
- 8.3 Bên Vay không cản trừ nợ
Tất cả các khoản thanh toán mà Bên Vay phải trả cho Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này sẽ được tính toán và phải được thực hiện mà không được cản trừ hoặc giữ lại.

8.4 Trả nợ trước hạn

Bên Vay có quyền thanh toán khoản nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trước hạn. Để tránh hiểu nhầm, toàn bộ số tiền lãi đã thỏa thuận ngay từ đầu tại Khế Ước Nhận Nợ sẽ đến hạn thanh toán và phải trả trong trường hợp trả nợ trước hạn.

8.5 Xử lý tiền thanh toán thừa

- a. Bên vay được quyền yêu cầu hoàn Tiền thanh toán thừa bằng chi phí của mình khi đáp ứng các điều kiện hoàn tiền theo quy định hoàn tiền được công bố trên trang điện tử của Bên Cho Vay và/hoặc trên Nền tảng. Sau thời hạn quy định tại quy định hoàn tiền, nếu Bên vay không có yêu cầu hoàn tiền hoặc không nhận Tiền thanh toán thừa được hoàn, Bên vay đồng ý rằng Tiền thanh toán thừa sẽ thuộc quyền sở hữu của Bên cho vay.
- b. Trường hợp phát sinh Tiền thanh toán thừa nhưng Bên vay không có yêu cầu tất toán khoản vay trước hạn và không có yêu cầu hoàn tiền thừa, Các Bên đồng ý rằng (i) Tiền thanh toán thừa sẽ được Bên vay hỗ trợ quản lý và không hưởng lãi; (ii) Bên cho vay có quyền nhưng không có nghĩa vụ phân bổ Tiền thanh toán thừa để thanh toán một phần hoặc toàn bộ cho các khoản vay đến hạn khác của Bên vay (nếu có) và/hoặc kỳ tiếp theo của từng khoản vay, ưu tiên phân bổ cho khoản vay có thời hạn thanh toán đến trước.

9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

- 9.1 Bên Vay có thể, bằng cách gửi đề nghị bằng văn bản cho Bên Cho Vay ít nhất 10 ngày trước ngày đến hạn thanh toán của bất kỳ khoản nợ nào được quy định trong Hợp Đồng này (và các khoản cấp tín dụng theo các Khế Ước Nhận Nợ), đề nghị Bên Cho Vay xem xét kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ và/hoặc thay đổi số tiền thanh toán đến hạn kèm theo lý do và bằng chứng cụ thể để Bên Cho Vay xem xét.
- 9.2 Khi đề nghị gia hạn nợ, Bên Vay phải đề xuất một ngày đến hạn thanh toán mới và/hoặc số tiền thanh toán mới để Bên Cho Vay xem xét. Bên Cho Vay sẽ có toàn quyền quyết định xem xét đề nghị của Bên Vay và sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Vay về quyết định của Bên Cho Vay.

10. Nợ gốc và nợ tiền lãi quá hạn

- 10.1 Khoản nợ gốc và tiền lãi liên quan đến các Khoản Cho Vay Từng Lần của bất kỳ Khế Ước Nhận Nợ nào sẽ được xem là nợ quá hạn khi Bên Vay không thanh toán bất kỳ phần nghĩa vụ trả nợ nào cho Bên Cho vay như được quy định tại các Khế Ước Nhận Nợ (bao gồm khoản nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay phát sinh, và/hoặc bất kỳ khoản lãi quá hạn hoặc tiền phạt nào) vào ngày đến hạn.
- 10.2 Thời điểm tính lãi quá hạn sẽ bắt đầu từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn (được quy định trong các Khế Ước Nhận Nợ) cho đến khi Bên Vay thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi tiền vay và bất kỳ tiền lãi quá hạn hoặc khoản phạt nào.
- 10.3 Bên Cho Vay phải thông báo cho Bên Vay về số tiền quá hạn, ngày bắt đầu tính lãi quá hạn, các nghĩa vụ phát sinh Bên Vay phải chịu và các thông tin liên quan khác đến khoản vay phù hợp với Pháp Luật Việt Nam.

11. Chấm dứt Hợp Đồng

- 11.1 Bên Cho Vay có thể chấm dứt Hợp Đồng này bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên Vay theo Điều 11.2 nếu xảy ra bất kỳ điều nào sau đây:

- (a) Bên Vay không hoàn trả khoản nợ gốc, lãi tiền vay phát sinh và/hoặc bất kỳ số tiền và phí đến hạn nào khác theo các Khế Ước Nhận Nợ;
 - (b) Thời Hạn Rút Vốn hết hạn và Bên Cho Vay không phê duyệt gia hạn thời hạn;
 - (c) Bên Vay sử dụng các Khoản Cho Vay Từng Lần cho mục đích khác với mục đích đã được phê duyệt tại Điều 4 và/hoặc cho các mục đích bị cấm theo Pháp Luật Việt Nam và chính sách của Bên Cho Vay;
 - (d) Bên Vay vi phạm bất kỳ cam kết, bảo đảm hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Hợp Đồng nào khác bằng văn bản giữa Các Bên;
 - (e) Các sự kiện khác do Các Bên thỏa thuận bằng văn bản tại từng thời điểm.
- 11.2 Bên Cho Vay sẽ thông báo cho Bên Vay trước 5 Ngày Làm Việc về việc chấm dứt Hợp Đồng này phù hợp với quy định của Pháp Luật Việt Nam.
- 11.3 Khi chấm dứt Hợp Đồng này, số dư nợ gốc, lãi tiền vay và bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến bất kỳ Khoản Cho Vay Từng Lần nào được Bên Cho Vay giải ngân (tất cả các khoản nợ) và chưa được Bên Vay thanh toán sẽ ngay lập tức đến hạn và phải trả cho Bên Cho Vay.

12. Cam đoan, bảo đảm và xác nhận khoản vay

- 12.1 Bên Vay sau đây xác nhận tất cả các khoản tiền Bên Vay nợ Bên Cho Vay. Trừ khi có bằng chứng ngược lại đáng tin cậy hoặc bằng chứng có thể xác nhận được, Bên Vay xác nhận và đồng ý rằng việc hạch toán kế toán nội bộ của Bên Cho Vay và hồ sơ cho vay liên quan đến khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí và các khoản hạch toán thanh toán, và bằng chứng liên quan đến việc giải ngân, thanh toán hoặc quy trình thanh toán tiền lãi được thực hiện và lưu giữ bởi Bên Cho Vay, hồ sơ cho vay và bằng chứng về việc Bên Cho Vay buộc Bên Vay hoàn trả toàn bộ khoản vay sẽ tạo thành bằng chứng hợp lệ về (x) mối quan hệ giữa Bên Cho Vay và Bên Vay và (y) về tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ của Bên Vay với Bên Cho Vay. Bên Vay không được khiếu nại về bất kỳ điểm không nhất quán nào chỉ vì việc hạch toán kế toán, hồ sơ cho vay và bằng chứng nêu trên được lập và lưu giữ bởi Bên Cho Vay.
- 12.2 Thông qua Hợp Đồng này, Bên Vay cam kết và đảm bảo với Bên Cho Vay rằng:
- (a) Bên Vay có tư cách pháp lý để thực hiện Hợp Đồng này và để thực hiện các nghĩa vụ được dự tính trong Hợp Đồng này;
 - (b) Bên Vay đang trong tình trạng khỏe mạnh và hiện không có/đang phải điều trị bệnh tại bệnh viện;
 - (c) Bên Vay hiện (hoặc có thể) không tham gia vào bất kỳ vụ kiện pháp lý hoặc tranh chấp nào;
 - (d) Bên Vay hiện (hoặc có thể có) không tiến hành bất kỳ thủ tục phá sản và mất khả năng thanh toán nào;
 - (e) Bên Vay có khả năng tài chính ổn định và việc tiếp nhận Khoản Cho Vay Từng Lần sẽ không gây ra bất kỳ khó khăn nào về tài chính của Bên Vay; và
 - (f) Vào ngày Hợp Đồng này được xem xét, Bên Vay không có bất kỳ khoản nợ xấu nào tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào.

13. Xử lý nợ

Trong trường hợp Bên Vay không thanh toán bất kỳ phần nào khoản nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay liên quan đến các Khoản Cho Vay Từng Lần khi đến hạn, Bên Cho Vay có thể thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu hồi khoản nợ theo Hợp Đồng này, các Khế Ước Nhận Nợ phù hợp với Pháp Luật Việt Nam, chẳng hạn như các biện pháp gửi tin nhắn, gọi điện thoại, nhắc nợ tại nhà, khởi kiện v.v...

14. Quyền và nghĩa vụ của Bên Cho Vay

14.1 Ngoài các quyền khác được quy định trong Hợp Đồng này, Bên Cho Vay sẽ có các quyền sau:

- (a) Theo quy định tại Điều 16 Hợp Đồng này và tùy theo quyết định của Bên Cho vay, xác minh bất kỳ thông tin nào do Bên Vay cung cấp tại bất kỳ cơ quan, tổ chức và/hoặc cá nhân nào cho mục đích cấp tín dụng theo Hợp Đồng này và trong phạm vi được phép theo Pháp Luật Việt Nam;
- (b) Thực hiện các biện pháp cần thiết, bao gồm các thủ tục pháp lý, để thu hồi các khoản nợ từ Bên Vay theo Hợp Đồng này và theo Pháp Luật Việt Nam;
- (c) Tại bất kỳ thời điểm nào, yêu cầu Bên Vay cung cấp các tài liệu chứng minh mục đích vay của các Khoản Cho Vay Từng Lần và kiểm tra việc sử dụng các Khoản Cho Vay Từng Lần đã giải ngân;
- (d) Các quyền khác được quy định trong Hợp Đồng này.

14.2 Bên Cho Vay có các nghĩa vụ sau:

- (a) Tuân thủ các điều khoản của Hợp Đồng này và các hợp đồng khác liên quan đến các Khoản Cho Vay Từng Lần;
- (b) Lưu giữ hồ sơ cho vay liên quan đến các Khoản Cho Vay Từng Lần và Hợp Đồng này theo quy định của Pháp Luật Việt Nam;
- (c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này và các Khế Ước Nhận Nợ và thực hiện tất cả các hình thức liên lạc có liên quan đến Bên Vay thông qua Nền Tảng.

15. Nghĩa vụ của Bên Vay

Ngoài các nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng này, Bên Vay sẽ có các nghĩa vụ sau:

- 15.1. Thanh toán đầy đủ cho Bên Cho Vay tất cả các khoản nợ gốc, tiền lãi phát sinh và các khoản phải trả khác liên quan đến các Khoản Cho Vay Từng Lần đã giải ngân vào ngày đến hạn và theo cách thức được quy định trong Hợp Đồng này và các Khế Ước Nhận Nợ;
- 15.2. Cung cấp bằng chứng về mục đích vay và việc sử dụng các Khoản Cho Vay Từng Lần đã giải ngân theo yêu cầu của Bên Cho Vay;
- 15.3. Thực hiện các nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này và các Khế Ước Nhận Nợ và thực hiện tất cả các hình thức liên lạc có liên quan đến Bên Cho Vay thông qua Nền Tảng, kể cả việc truyền tải bất kỳ thay đổi nào về những thông tin đã cung cấp theo Hợp Đồng này.

16. Thu thập và sử dụng thông tin của Bên Vay

- 16.1 Bên Vay đồng ý rõ ràng rằng Bên Cho Vay có thể sử dụng thông tin đã thu thập của Bên Vay và xử lý thêm thông qua Nền Tảng để thiết lập mối quan hệ tín dụng giữa Bên Cho Vay và Bên Vay, đồng thời cung cấp các sản phẩm và dịch vụ của Bên Cho Vay cho Bên Vay.
- 16.2 Bên Vay đồng ý cho phép Bên Cho Vay sử dụng thông tin của Bên Vay cho các mục đích sau:
- (a) cung cấp thông tin của Bên Vay cho Công Ty Cổ phần Thông Tin Tín Dụng Việt Nam (công ty thông tin tín dụng), có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102547296, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2007, mà Bên Cho Vay là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia) để xác minh danh tính và thông tin tín dụng của Bên Vay. Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp bao gồm (i) dữ liệu và số liệu liên quan của Bên Vay tại Bên Cho Vay; và (ii) việc cung cấp thông tin tín dụng của Bên Cho Vay cho công ty thông tin tín dụng để đảm bảo tuân thủ các quy định của Cơ Quan Nhà Nước về hoạt động cung cấp thông tin tín dụng;
 - (b) thiết lập mối quan hệ tín dụng giữa Bên Vay và Bên Cho Vay;
 - (c) thẩm định và xử lý đề nghị vay vốn và sử dụng dịch vụ và các Khế Ước Nhận Nợ;
 - (d) thực hiện kiểm tra tín dụng, đánh giá và theo dõi khả năng trả nợ;
 - (e) phục vụ Bên Vay và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ cho Bên Vay, bao gồm thực hiện dịch vụ thu tiền, thanh toán và các công cụ thanh toán khác;
 - (f) cho các mục đích xử lý dữ liệu;
 - (g) để đánh giá và giám sát các sản phẩm và dịch vụ.
- 16.3 Căn cứ vào Điều 16.2(a) nêu trên, Bên Cho Vay có trách nhiệm thông báo cho Bên Vay về công ty thông tin tín dụng (bao gồm tên công ty thông tin tín dụng, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin liên quan khác):
- (a) Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này; hoặc
 - (b) Trong vòng 10 Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Vay cam kết cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay cho công ty thông tin tín dụng.
- 16.4 Nếu công ty thông tin tín dụng bị thu hồi giấy chứng nhận, Bên Cho Vay sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay cho công ty thông tin tín dụng đó và Bên Cho Vay đồng ý rằng thông tin tín dụng của Bên Vay tại công ty thông tin tín dụng được xử lý theo quy định của chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.
- 16.5 Bên Cho Vay có trách nhiệm thông báo cho Bên Vay về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên Vay trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Vay nhận được thông báo từ công ty thông tin tín dụng về các phương pháp xử lý thông tin tín dụng.
- 16.6 Cho mục đích của Hợp Đồng này, Bên Vay đồng ý và cho phép Bên Cho Vay sử dụng và chuyển thông tin của Bên Vay cho Nhà Cung Cấp Dịch Vụ cho mục đích được quy định tại Điều 16 này (ngoại trừ Điều 16.2(a)) và cho phép Nhà Cung Cấp Dịch Vụ giữ lại thông tin của Bên Vay trong phạm vi được cho phép theo Pháp Luật Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn để xử lý thông tin nhận dạng khách hàng; chấm điểm tín dụng; xếp hạng tín nhiệm; và/hoặc các dịch vụ khác được cung cấp bởi Nhà Cung Cấp Dịch Vụ trong từng thời điểm.
- 16.7 Điều khoản này sẽ duy trì hiệu lực ngay cả khi Hợp Đồng này chấm dứt.

17. Thông báo

17.1 Tất cả thư từ hoặc thông báo liên quan đến Hợp Đồng này và bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến các Khoản Cho Vay Từng Lần sẽ được thực hiện dưới hình thức điện tử thông qua Nền Tảng bằng cách sử dụng các tính năng và chức năng của Nền Tảng, dựa trên các thông tin mới nhất được đăng ký và ghi lại trên Nền Tảng.

Các thư từ và thông báo của Bên Cho Vay gửi cho Bên Vay có thể thực hiện dưới các hình thức mà Bên Cho Vay và Nhà Cung Cấp Dịch Vụ cho là phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn hình thức thông báo trên ứng dụng hoặc email gửi đến địa chỉ email đã đăng ký của Bên Vay thông qua Nền Tảng.

17.2 Các thư từ và thông báo sẽ được xem là đã nhận bởi Bên kia vào ngày gửi thư hoặc thông báo thông qua Nền Tảng theo thông tin đã lưu lại trên Nền Tảng.

18. Chuyển giao Quyền và Nghĩa vụ theo Hợp Đồng này

18.1 Nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Cho Vay, Bên Vay không được quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng, một phần hoặc toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào.

18.2 Bên Vay chấp thuận và trao cho Bên Cho Vay quyền cầm cố, chuyển giao và/hoặc chuyển nhượng theo bất kỳ cách thức nào đối với các quyền và nghĩa vụ của Bên Vay liên quan đến Hợp Đồng này. Việc trao quyền này bao gồm các quyền chuyển giao quyền hạn của Bên Vay theo Hợp Đồng này cho bất kỳ bên nào khác bằng cách ký kết hợp đồng thế quyền, nhượng quyền, các hợp đồng liên kết tài trợ, hợp đồng chuyển nhượng hoặc hợp đồng hợp tác khác.

19. Luật điều chỉnh và Giải quyết tranh chấp

19.1 Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và hiểu theo luật pháp Việt Nam.

19.2 Giải quyết tranh chấp:

(a) Các Bên sẽ giải quyết bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến Hợp Đồng này bằng cách trao đổi cùng nhau. Nếu các Bên không thể đạt được giải quyết trong vòng 30 ngày kể từ ngày một Bên gửi văn bản yêu cầu trao đổi cho Bên kia, thì bất kỳ Bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo Quy tắc Trọng tài của VIAC để giải quyết cuối cùng.

(b) Số lượng trọng tài sẽ là 3 (ba) người, được chỉ định theo Quy tắc trọng tài của VIAC. Ngôn ngữ của trọng tài sẽ là tiếng Việt. Địa điểm trọng tài sẽ là Thành phố Hồ Chí Minh.

(c) Các phán quyết của trọng tài sẽ có tính quyết định cuối cùng và ràng buộc. Bên thua kiện phải chịu mọi chi phí giải quyết tranh chấp, bao gồm phí luật sư cho Bên thắng kiện và các khoản phí hoặc chi phí khác có liên quan.

19.3 Điều khoản này sẽ duy trì hiệu lực sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

20. Điều khoản khác

20.1 Nếu Bên Vay chết, tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ của Bên Vay phát sinh theo đây sẽ cấu thành các khoản nợ và nghĩa vụ cho những người thừa kế của Bên Vay.

- 20.2 Bất kỳ phụ lục, công văn, tài liệu hoặc văn bản sửa đổi bổ sung nào đính kèm theo Hợp Đồng này sẽ tạo thành một phần không thể tách rời Hợp Đồng này và theo đó ràng buộc Bên Cho Vay và Bên Vay.
- 20.3 Bên Vay đã đọc và hiểu tất cả các điều khoản được quy định tại Hợp Đồng này. Ngoài ra, Bên Vay thừa nhận rằng Bên Vay đã nhận được thông tin rõ ràng và chính xác về các Khoản Cho Vay Từng Lần do Bên Cho Vay cấp cho Bên Vay. Do đó, Bên Vay cam kết sẽ tuân theo Hợp Đồng này cùng với bất kỳ phụ lục nào kèm theo Hợp Đồng này.
- 20.4 Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này trở nên trái luật hoặc bị cấm theo quy định của Cơ quan nhà nước hoặc phán quyết của tòa án, điều khoản đó sẽ không ảnh hưởng đến tính hiệu lực của các điều khoản còn lại theo Hợp Đồng này và các điều khoản còn lại đó sẽ vẫn có hiệu lực, ràng buộc và có thể thi hành cho Các Bên. Trong trường hợp này, Bên Cho Vay sẽ sửa đổi Hợp Đồng này (và Bên Vay phải tuân theo) để loại bỏ các điều khoản không hợp lệ hoặc không thể thực thi đó.
- 20.5 Hợp Đồng này cùng tất cả các tài liệu liên quan và phát sinh từ Hợp Đồng này sẽ tuân theo pháp luật Việt Nam.
- 20.6 Hợp Đồng này được lập 02 bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

CHỮ KÝ KHÁCH HÀNG

CHỮ KÝ VIETCREDIT

PHỤ LỤC 1

ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. Định nghĩa

Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu hiểu khác, các thuật ngữ được sử dụng trong Hợp Đồng này, bao gồm cả phần mở đầu và căn cứ lập hợp đồng, có nghĩa như sau:

- (a) **Hợp Đồng** nghĩa là Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng giữa Bên Cho Vay và Bên Vay.
- (b) **Đề nghị vay vốn** nghĩa là đề nghị vay vốn của Bên Vay đính kèm theo Hợp Đồng này như được quy định tại Phần A, cấu thành một phần của Hợp Đồng này.
- (c) **Thời Hạn Rút Vốn** có ý nghĩa được nêu trong Phần B, Điều 3.1.
- (d) **Khoản Cho Vay BNPL** có ý nghĩa được nêu trong Phần B, Điều 2.1.
- (e) **Ngày Làm Việc** nghĩa là bất kỳ ngày nào (trừ Thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày lễ nào ở Việt Nam) mà các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh thông thường tại Việt Nam.
- (f) **Khoản Cho Vay Tiền Mặt** có ý nghĩa được nêu trong Điều 2.1.
- (g) **Bên Cho Vay** có ý nghĩa được nêu trong Phần mở đầu của Phần B theo Hợp Đồng này.
- (h) **Hạn Mức Tín Dụng** có ý nghĩa được nêu trong Điều 2.1.
- (i) **Bên Vay** có ý nghĩa được nêu trong Phần mở đầu của Hợp Đồng này.
- (j) **Lãi Quá hạn** có ý nghĩa được nêu trong Điều 6.4.
- (k) **Khoản Cho Vay Từng Lần** có ý nghĩa được nêu trong Điều 2.1.
- (l) **Bên Cho Vay** có ý nghĩa được nêu trong Phần mở đầu của Hợp Đồng này.
- (m) **Cơ Quan Nhà Nước** nghĩa là bất kỳ cơ quan chính phủ hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước nào, cơ quan địa phương hoặc cơ quan hoặc tổ chức tư pháp (bao gồm nhưng không giới hạn, bất kỳ sàn giao dịch chứng khoán hoặc bất kỳ tổ chức tự quản nào được thành lập theo quy định pháp luật).
- (n) **Nền Tảng** có ý nghĩa được nêu tại phần Căn Cứ Xác Lập của Hợp Đồng này.
- (o) **NHNNVN** nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (p) **Nhà Cung Cấp Dịch Vụ** nghĩa là Công ty Cổ phần Kredivo Việt Nam với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316797656, tức là nhà điều hành Nền Tảng.
- (q) **Khế Ước Nhận Nợ** có ý nghĩa được nêu trong Điều 2.2
- (r) **Pháp Luật Việt Nam** nghĩa là tất cả các luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy định và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Việt Nam có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

2. Giải thích thuật ngữ

Trong Hợp Đồng này:

- (a) tham chiếu đến Hợp Đồng này sẽ bao gồm tất cả các sửa đổi, bổ sung và thay đổi được các Bên thống nhất;

- (b) tham chiếu đến một cá nhân có nghĩa là bất kỳ cá nhân, tổ chức công ty, pháp nhân hoặc Cơ quan chính phủ nào;
- (c) tham chiếu đến một Bên (hoặc các Bên) là một bên (hoặc các bên) của Hợp Đồng này;
- (d) từ “bao gồm” được xem là đã bao hàm từ “không giới hạn” hoặc “nhưng không giới hạn ở”;
- (e) những từ chỉ một giới tính sẽ bao gồm giới tính còn lại;
- (f) những từ chỉ số ít sẽ bao gồm cả số nhiều và ngược lại;
- (g) trong trường hợp bất kỳ việc nào phải được thực hiện vào hoặc trước ngày mà không phải là Ngày Làm Việc, thì việc đó phải được thực hiện vào hoặc trước Ngày Làm Việc tiếp theo;
- (h) tham chiếu đến ngày hoặc giờ là tham chiếu đến ngày hoặc giờ đó ở Việt Nam;
- (i) tham chiếu đến pháp luật hoặc đến một quy định của pháp luật sẽ bao gồm cả việc sửa đổi hoặc tái ban hành, một điều khoản lập pháp được dùng để thay thế, và một quy định hoặc công cụ luật pháp được ban hành theo đó;
- (j) tham chiếu đến một hợp đồng hoặc văn bản bao gồm cả tham chiếu đến Hợp Đồng này (bao gồm các phụ lục kèm theo) là tham chiếu đến hợp đồng hoặc văn bản (bao gồm cả các phụ lục kèm theo) đã được sửa đổi, bổ sung, nâng cấp hoặc thay thế trừ trường hợp bị ngăn cấm bởi Hợp Đồng này hoặc hợp đồng hoặc văn bản khác;
- (k) tham chiếu đến một điều khoản, căn cứ lập hợp đồng hoặc phụ lục là tham chiếu đến điều khoản, căn cứ lập hợp đồng hoặc phụ lục của Hợp Đồng này. Các Phụ lục là một phần của Hợp Đồng này; và
- (l) các đề mục chỉ nhằm mục đích thuận tiện và không ảnh hưởng đến việc giải thích thuật ngữ.